

MỤC LỤC TẠP CHÍ NGÔN NGỮ NĂM 2025

1. *Nguyễn Nhân Ái*. Khó khăn về từ vựng trong biên dịch pháp lí Anh - Việt: Trường hợp của sinh viên chuyên ngữ. Số 5. Tr.51 - 58.
2. *Mark Alves - Vũ Đức Nghiệu*. Cần xem xét lại nguồn gốc, sự hình thành và quan niệm về những từ được gọi là “từ Hán Việt Việt hoá”. Số 1. Tr.3 - 21.
3. *Trần Thùy An*. Một số chức năng ngữ dụng của lời chỉnh sửa trong giao tiếp hội thoại tiếng Việt. Số 11. Tr.28 - 36.
4. *Bùi Lan Anh*. Giảng dạy tiếng Anh trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay: tiềm năng và thách thức. Số 8. Tr.64 - 72.
5. *Đặng Đức Anh*. Ấn dụ thức thể hiện nghĩa phủ định trong hội thoại tiếng Việt. Số 9. Tr.65 - 71.
6. *Phan Hoàng Anh*. Vị thế, vai trò của tiếng Phù Lá trong đời sống hiện nay. Số 11. Tr.57 - 67.
7. *Văn Tú Anh*. Đặc điểm vốn từ vựng tiếng Việt của trẻ khiếm thính lứa tuổi mẫu giáo cây óc tai điện tử (Khảo sát tại Trung tâm Sunny AVT Center). Số 11. Tr.142 - 152.
8. *Bùi Đăng Bình*. Chữ viết tiếng Ve. Số 10. Tr.142 - 152.
9. *Nguyễn Ngọc Bình*. Về khía cạnh âm vị học của các ngôn ngữ Tai - Kadai (Qua các nghiên cứu của nước ngoài). Số 6. Tr.30 - 38.
10. *Vũ Thị Sao Chi*. Đề xuất cấu trúc vĩ mô kiểu mới cho từ điển thuật ngữ hành chính tiếng Việt. Số 11. Tr.68 - 79.
11. *Nguyễn Văn Chính - Phan Tuấn Ly*. Các xu hướng nghiên cứu “siêu điển ngôn” trên thế giới. Số 12. Tr.35 - 44.
12. *Nguyễn Phương Chung*. Tích hợp dạy phát âm theo ngữ cảnh và phát triển kỹ năng nghe hiểu trong giảng dạy tiếng Việt (qua trường hợp nghiên cứu tại Đại học Columbia). Số 12. Tr.27 - 34.
13. *Nguyễn Thị Thanh Chung*. Nghiên cứu yếu tố bạch (白) trong tác phẩm song ngữ Hán Nôm *Truyện kì mạn lục*. Số 2. Tr.3 - 11.
14. *Trần Thanh Dũ*. Biểu hiện của phương châm cộng tác trong khẩu hiệu tuyên truyền tiếng Việt (so sánh với tiếng Anh). Số 2. Tr.42 - 51.
15. *Nguyễn Bá Duy - Bandith Latsamay*. Thực trạng và giải pháp tự học từ vựng tiếng Việt cho học viên Dự khoá Lào năm thứ hai, Học viện Kỹ thuật Quân sự. Số 4. Tr.65 - 73.
16. *Trần Thị Duyên - Hoàng Thị Hương Giang - Trần Thị Tuyết Trinh - Nguyễn Thị Hoài Anh - Phạm Thị Hồng*. Thúc đẩy học tập tự định hướng trong giáo dục đại học: Vai trò của giảng viên. Số 5. Tr.68 - 75.

17. *Đỗ Hồng Dương*. Vai trò của biểu thức danh hoá khi tái cấu trúc ngữ pháp câu tiếng Việt nhìn từ quan điểm tri nhận. Số 6. Tr.49 - 60.
18. *Hà Thuỳ Dương*. Đặc điểm định danh cây ăn quả trong tiếng Việt. Số 11. Tr.87 - 93.
19. *Nguyễn Thị Thuỳ Dương*. Ứng dụng ChatGPT nhằm cải thiện kỹ năng viết tiếng Pháp thương mại tại Trường Đại học Thương mại, hướng tới một mô hình tích hợp có kiểm soát. Số 8. Tr.31 - 39.
20. *Phạm Thuỳ Dương*. Kết hợp lí thuyết lược đồ và công nghệ trong giảng dạy tiếng Hán thương mại. Số 3. Tr.67 - 74.
21. *Vũ Văn Đại*. Hiệu ứng ngữ dụng từ sự diễn giải phi tương ứng với nghĩa của phát ngôn. Số 12. Tr.20 - 26.
22. *Phạm Thuỳ Giang*. Hiện tượng mơ hồ trong quảng cáo tiếng Việt và tiếng Anh. Số 3. Tr.24 - 32.
23. *Nguyễn Thị Giang - Trịnh Thị Hà - Hà Thị Như Quỳnh*. Số lượng từ vựng trong ngôn ngữ của trẻ rối loạn phổ tự kỉ (giai đoạn 6 - 10 tuổi). Số 10. Tr.19 - 27.
24. *Nguyễn Thiện Giáp*. Diễn giải các yếu tố thường đứng trước danh từ tiếng Việt theo quan điểm của ngữ pháp nhận thức. Số 12. Tr.3 - 9.
25. *Vũ Thị Hải Hà*. Đặc trưng âm học của âm tiết tiếng Việt hướng đến xây dựng bảng đo thính lực lời. Số 10. Tr.3 - 10.
26. *Võ Thị Minh Hà*. Ngữ pháp và ngữ nghĩa của các danh từ đơn vị “bầy”, “đàn”, “lũ” trong tiếng Việt. Số 6. Tr.61 - 70.
27. *Vũ Phương Hà*. So sánh ngữ nghĩa của kết cấu “V + 出” trong tiếng Hán và “V + ra” trong tiếng Việt. Số 10. Tr.98 - 105.
28. *Phạm Thị Thu Hà*. Lịch sử nghiên cứu ngữ điệu tiếng Việt. Số 10. Tr.40 - 50.
29. *Phạm Thị Xuân Hà*. Khảo sát ẩn dụ cấu trúc DOANH NGHIỆP LÀ CHIẾN BINH trong chuyên mục kinh doanh của *Thời báo Tài chính Việt Nam* (online). Số 5. Tr.11 - 18.
30. *Huyền Thị Hồng Hạnh - Phan Thanh Bảo Trân*. Một số vấn đề cơ bản về phân tích diễn ngôn đa phương thức. Số 1. Tr.40 - 47.
31. *Trần Thị Hồng Hạnh*. Về các địa danh có yếu tố “Quèn” ở Việt Nam. Số 6. Tr.9 - 17.
32. *Đinh Thị Hằng*. Một số thông số âm học của phụ âm đầu tiếng Việt hướng đến xây dựng bảng đo thính lực lời (Khảo sát trường độ, cường độ và tần số cơ bản). Số 11. Tr.80 - 86.
33. *Lương Thị Hiền - Nguyễn An Nguyễn*. Hashtag như một nguồn lực kí hiệu học xã hội trong diễn ngôn đánh giá lĩnh vực giải trí số của giới trẻ Việt Nam. Số 9. Tr.30 - 38.
34. *Đặng Thị Thu Hiền*. Đặc điểm của hoạt động giao tiếp trên không gian mạng từ góc nhìn ngôn ngữ học. Số 4. Tr.13 - 20.
35. *Đặng Thị Thu Hiền - Lê Thị Mai Anh - Nguyễn Thị Phương Anh - Nguyễn Thị Hồng Ngọc - Vi Thị Như Quỳnh*. Khả năng và mức độ tham gia cấu tạo từ của yếu tố Hán Việt. Số 9. Tr.58 - 64.

36. *Đặng Văn Hiến*. Vận dụng các dạng câu hỏi trong dạy bài khoá tiếng Trung Quốc trình độ sơ cấp cho sinh viên Việt Nam. Số 7. Tr.60 - 65.
37. *Nguyễn Văn Hiệp*. Nghiên cứu ẩn dụ ý niệm trong văn học. Số 12. Tr.10 - 19.
38. *Quách Thị Hoà*. Về dịch thành ngữ trong phim truyền hình Trung Quốc “Phiên dịch viên xinh đẹp”. Số 8. Tr.47 - 53.
39. *Lê Thị Thu Hoài*. Lí thuyết “ẩn dụ chuỗi lớn” và ứng dụng trong phân tích ngôn ngữ. Số 6. Tr.39 - 48.
40. *Nguyễn Bích Hồng*. Phân tích cấu trúc bài phê bình sách chuyên ngành ngôn ngữ học viết bằng tiếng Anh. Số 2. Tr.32 - 41.
41. *A.P. Chen Jihua*. Bàn về diễn biến nghĩa của từ Hán Việt *giải pháp*. Số 1. Tr.22 - 31.
42. *Vũ Thị Huệ*. Tăng cường tính tự học bằng phương pháp dạy học giao nhiệm vụ trong học phần tiếng Trung giao tiếp tại Trường Đại học Thương mại. Số 5. Tr.76 - 80.
43. *Vũ Thị Huệ*. Đặc điểm chữ Hán đa âm và một số vấn đề liên quan đến dịch thuật: Trường hợp chữ “单”. Số 10. Tr.135 - 141.
44. *Nguyễn Thị Huệ*. Tiến tới biên soạn từ điển thuật ngữ công an Pháp - Việt. Số 5. Tr.26 - 33.
45. *Phan Lương Hùng*. Hệ thống thanh điệu tiếng Tống ở Việt Nam. Số 11. Tr.3 - 9.
46. *Phan Lương Hùng*. Cấu tạo từ trong tiếng Hà Nhì ở Lai Châu. Số 12. Tr.45 - 50.
47. *Vũ Thanh Hương*. Nghiên cứu đặc điểm của phó từ tiếng Hán “赶忙” dưới góc nhìn đồng đại và lịch đại. Số 10. Tr.51 - 59.
48. *Đào Thị Thanh Huyền*. Các yếu tố ảnh hưởng đến chiến lược lịch sự trong hành vi ngôn ngữ phàn nàn. Số 10. Tr.87 - 97.
49. *Nguyễn Thu Huyền*. Một số đặc điểm phụ âm đầu tiếng Thái ở xã Thanh Lâm, tỉnh Thanh Hoá. Số 10. Tr.115 - 121.
50. *Nguyễn Thu Huyền*. Một số đặc điểm từ loại danh từ trong tiếng Khơ Mú ở Việt Nam. Số 11. Tr.119 - 128.
51. *Nguyễn Thị Ly Kha - Phạm Hải Lê - Nguyễn Thị Ngọc Diễm - Hoàng Văn Quyên*. Giảm hành vi nhại lời tức thời ở trẻ bị rối loạn phổ tự kỉ thông qua chuyển đổi hành vi nhại lời thành hành vi giao tiếp (một nghiên cứu trường hợp). Số 2. Tr.12 - 22.
52. *Nguyễn Đức Khuông*. Đặc điểm ngôn ngữ văn xuôi thiếu nhi và các biện pháp hướng dẫn học sinh lớp 4 tiểu học đọc hiểu văn bản. Số 10. Tr.106 - 114.
53. *Phạm Hữu Khương*. Dạy tác phẩm văn học hiện đại Trung Quốc cho sinh viên chuyên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc - trên dữ liệu tác phẩm *Khổng Ất Kỷ* của Lỗ Tấn. Số 3. Tr.75 - 80.
54. *Vũ Văn Khương*. Các phương thức tiếp nhận từ ngữ Công giáo vay mượn trong tiếng Việt (Qua khảo sát các bản kinh nguyện của các Giáo phận Dòng tại Việt Nam). Số 10. Tr.60 - 66.

55. Nguyễn Huỳnh Lâm. Ngôn ngữ trực tuyến của sinh viên: góc nhìn từ thuyết quan yếu. Số 11. Tr.129 - 136.
56. Lê Thị Lâm - Đàm Thị Thúy - Lê Thanh Hương. Thái độ ngôn ngữ đối với việc sử dụng tiếng địa phương miền Nam trên Facebook. Số 10. Tr.122 - 127.
57. Trần Thị Bích Lan. Đối chiếu ẩn dụ ý niệm THỊ TRƯỜNG LÀ MÁY MÓC trong các bài báo kinh tế tiếng Anh và tiếng Việt. Số 2. Tr.23 - 31.
58. Nguyễn Thị Hương Lan - Nguyễn Thị Ngọc Phú - Nguyễn Thị Minh Trang - Đinh Thị Ngọc Anh. Tính liên kết trong các bài luận chuyên ngành tiếng Anh của sinh viên năm thứ ba tại một trường đại học ở Hà Nội. Số 4. Tr.45 - 53.
59. Đào Thanh Lan. Sự chuyển hoá từ loại trong tiếng Việt. Số 6. Tr.3 - 8.
60. Phạm Hải Lê - Đinh Lưu Giang. Sử dụng flashcards trong dạy học chữ cái cho trẻ khuyết tật trí tuệ mức độ nhẹ (Một nghiên cứu trường hợp). Số 7. Tr.23 - 30.
61. Nguyễn Thị Lê - Nguyễn Thu Trà. Hình ảnh biểu trưng của từ “nước” trong tục ngữ, ca dao Việt Nam. Số 2. Tr.75 - 80.
62. Trương Vũ Ngọc Linh. Sự thay đổi cảnh quan ngôn ngữ ở thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình qua các giai đoạn lịch sử. Số 3. Tr.51 - 58.
63. Doãn Phương Linh. Đối chiếu nguyên âm tiếng Italia và nguyên âm tiếng Việt. Số 8. Tr.3 - 13.
64. Phạm Thị Linh. Đặc điểm ngôn ngữ lời phản hồi của giáo viên trên lớp học Trường Cao đẳng Kinh tế Công nghiệp Hà Nội. Số 5. Tr.43 - 50.
65. Lê Đức Luận - Huỳnh Thanh Hiếu. Phương thức Việt hoá địa danh sông nước Nam Bộ có nguồn gốc từ tiếng Khmer. Số 5. Tr.19 - 25.
66. Đoàn Tiến Lực. Ẩn dụ ý niệm thời gian trong thơ Việt Nam đương đại. Số 9. Tr.46 - 57.
67. Phạm Thị Tuyết Mai. Chiến lược đánh giá và lập luận trong bài viết luận tiếng Anh: Tiếp cận từ khung lí thuyết đánh giá (Khảo sát sinh viên năm thứ nhất, ngành Ngôn ngữ Anh, Trường Quốc tế, Đại học Quốc gia Hà Nội). Số 8. Tr.73 - 80.
68. Trần Quang Minh - Trịnh Cẩm Lan. Hệ thống thanh điệu tiếng Hà Nội trong phát âm của người trẻ. Số 6. Tr.18 - 29.
69. Nguyễn Thị Hồng Ngân. Trang ngữ trong ba bộ sách giáo khoa phổ thông bậc trung học cơ sở hiện nay. Số 9. Tr.39 - 45.
70. Hoàng Thị Quỳnh Ngân - Trần Thị Thu Yến. Nhận thức về việc phát âm phụ âm tiếng Anh /θ/ và /ð/ (Trường hợp sinh viên năm thứ nhất hệ cao đẳng, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội). Số 7. Tr.53 - 59.
71. Hán Thị Bích Ngọc. Ứng dụng lí thuyết ngôn ngữ đánh giá vào phân tích ngôn ngữ đối thoại trong tiểu thuyết *For Whom the Bell Tolls* của Ernest Hemingway. Số 1. Tr.72 - 80.
72. Phạm Thái Bảo Ngọc - Nguyễn Hoàng Trung. Dịch ẩn dụ trong văn học: Phân tích hai bản dịch tiếng Việt tiểu thuyết *The Strange Case of Dr. Jekyll and Mr. Hyde*. Số 7. Tr.13 - 22.

73. *Trương Trang Nhung*. Diễn ngôn *Thương nhớ thời bao cấp* từ góc nhìn phân tích diễn ngôn đa phương thức. Số 9. Tr.72 - 80.
74. *刘艳芬 (Luu Diễm Phân) - 罗文青 (La Văn Thanh)*. Nghiên cứu từ ghép tiếng Việt trong giới học thuật Trung Quốc và Việt Nam. Số 10. Tr.11 - 18.
75. *Tạ Lê Minh Phước - Nguyễn Thị Như Ngọc*. Chiến lược ngôn ngữ chi thang độ áp dụng trong diễn ngôn quảng cáo du lịch tiếng Việt trên Website của Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam. Số 11. Tr.94 - 103.
76. *Lương Bá Phương*. Động từ liên kết trong tiếng Anh và các tương đương trong tiếng Việt: Tiếp cận từ ngôn ngữ học đối chiếu. Số 7. Tr.66 - 72.
77. *Nguyễn Lê Phương*. Thực trạng cảnh quan ngôn ngữ khu vực hồ Hoàn Kiếm và phố cổ Hà Nội. Số 4. Tr.74 - 80.
78. *Nguyễn Thị Phương*. Những dạng rối loạn phát âm âm vị tiếng Việt thường gặp của trẻ 5 - 6 tuổi (Khảo sát tại Hà Nội). Số 10. Tr.78 - 86.
79. *Nguyễn Thị Phương - Vũ Thị Hải Hà*. Đặc điểm phát âm thanh điệu tiếng Việt của trẻ 5 - 6 tuổi (Khảo sát tại Hà Nội). Số 11. Tr.37 - 45.
80. *Nguyễn Thị Phương*. “Tiêu điểm” trong ngôn ngữ đánh giá ngoại hình tiếng Việt. Số 11. Tr.10 - 17.
81. *Vũ Việt Phương*. Nhận thức của sinh viên về việc sử dụng Ted Talks nhằm nâng cao kỹ năng thuyết trình trong lớp học nói đảo ngược. Số 12. Tr.66 - 73.
82. *Trần Kim Phương - Nguyễn Thị Mai Anh*. Đặc điểm ngữ pháp điển hình của câu tồn tại tiếng Việt. Số 1. Tr.32 - 39.
83. *Trần Kim Phương*. Phụ từ nghi vấn, đại từ nghi vấn và tiêu từ tình thái nghi vấn tiếng Việt. Số 9. 3 - 12. Tr.3 - 12.
84. *Nguyễn Trần Quý - Phan Trần Công - Nguyễn Thị Phương Trang - Lê Khắc Cường*. Ảnh hưởng của âm cuối đến âm chính trong tiếng Ba Na. Số 7. Tr.3 - 12.
85. *Lý Lệ Quyên*. Hiện tượng vay mượn, bảo lưu và sáng tạo từ vựng trên Báo Sài Gòn Giải Phóng Hoa văn. Số 8. Tr.22 - 30.
86. *Phạm Thị Hương Quỳnh*. Ấn dụ ý niệm CUỘC ĐỜI CON NGƯỜI LÀ NƯỚC trong thành ngữ, tục ngữ tiếng Việt. Số 3. Tr.42 - 50.
87. *Phạm Thị Hương Quỳnh*. Đặc trưng văn hoá của người Mông qua trường nghĩa chỉ đồ ăn (Khảo sát trong cuốn *Từ điển Việt - Mông*). Số 10. Tr.67 - 77.
88. *Đặng Thị Hảo Tâm - Lê Thị Hương Sang*. Đặc điểm của trích đoạn truyện tranh *Chiếc lược ngà* nhìn từ góc độ ngữ pháp hình ảnh. Số 4. Tr.3 - 12.
89. *Đặng Thị Hảo Tâm - Tan Yuhui*. Cấu trúc ý niệm 家 (nhà) trong tiếng Trung. Số 9. Tr.13 - 20.
90. *Nguyễn Tài Thái*. Sự phân bố các biến thể của từ chỉ “mẹ” trong phương ngữ Bắc. Số 12. Tr.61 - 65.

91. *Vũ Thị Thanh*. Dịch khẩu hiệu quảng cáo Anh - Việt theo hướng tiếp cận chức năng - văn hoá. Số 8. Tr.40 - 46.
92. *Lê Thị Minh Thảo*. Xu hướng đặt tên người tại Anh trong giai đoạn hiện nay. Số 4. Tr.21 - 29.
93. *Hoàng Anh Thi - Nguyễn Thị Hằng Nga*. Thử lịch sự và mỹ từ (bikago) trong kính ngữ tiếng Nhật (liên hệ với tiếng Việt). Số 5. Tr.3 - 10.
94. *Nguyễn Minh Thu - Nguyễn Thanh Bình - Ngô Thị Thanh Thảo - Phạm Tố Hoa*. Chiến lược làm giàu vốn từ vựng thông qua phương pháp tích hợp trò chơi (gamification) nhằm nâng cao kỹ năng đọc cho sinh viên năm thứ nhất tại Khoa Tiếng Anh, Trường Đại học Mở Hà Nội. Số 4. Tr.30 - 36.
95. *Trần Văn Thuật*. Chiến lược phê bình của giám khảo trong chương trình *Giọng hát Việt* năm 2018. Số 4. Tr.37 - 44.
96. *Trần Hương Thục*. Biểu hiện của nhóm từ có ý nghĩa “mức độ” trong những văn bản tiếng Việt cổ đến trung đại. Số 11. Tr.18 - 27.
97. *Nguyễn Phương Thủy*. Đối chiếu một số từ Hán Việt và từ tương ứng trong tiếng Trung hiện đại về ngữ nghĩa và sử dụng. Số 10. Tr.128 - 134.
98. *Đàm Thị Thúy - Lê Thanh Hương - Lê Thị Lâm - Dương Thị Dung*. Đặc điểm ngữ nghĩa của từ ngữ phương ngữ Nam Bộ khi thâm nhập vào tiếng Việt toàn dân. Số 11. Tr.137 - 141.
99. *Nguyễn Thanh Thủy*. Lỗi dùng sai trật tự từ trong danh ngữ tiếng Hàn Quốc của sinh viên chuyên ngành tiếng Hàn bậc đại học. Số 7. Tr.41 - 52.
100. *Trần Thu Thủy*. Đề ngữ, chủ ngữ và tác nhân trong câu tiếng Việt và tiếng Anh theo lý thuyết ngữ pháp chức năng hệ thống. Số 7. Tr.73 - 80.
101. *Nguyễn Thị Thu Thủy*. Yếu tố kì ảo trong truyện truyền kì Việt Nam từ góc nhìn tín hiệu học. Số 9. Tr.21 - 29.
102. *Phạm Anh Tiến*. Đặc điểm mô hình cấu tạo thuật ngữ chỉ hệ thống cơ khí - động lực ô tô trong tiếng Anh và tiếng Việt. Số 7. Tr.31 - 40.
103. *Lý Ngọc Toàn*. Nghiên cứu văn phong chính luận của Hồ Chí Minh qua lăng kính ngôn ngữ học. Số 2. Tr.52 - 65.
104. *Lý Ngọc Toàn*. Các quy tắc ràng buộc trong câu tiếng Việt: Phân tích liên lý thuyết về cú pháp, ngữ nghĩa và ngữ dụng. Số 5. Tr.34 - 42.
105. *Nguyễn Thị Huyền Trang - Bùi Thị Thanh Thương*. Tác động của trò chơi đến việc cải thiện kỹ năng nói tiếng Anh của học sinh lớp 6. Số 8. Tr.54 - 63.

106. *Trần Thị Thanh Trang - Nguyễn Thanh Hương - Khuất Thị Thanh Thúy.* Ứng dụng Chatbot messenger nhằm khắc phục tình trạng nhầm lẫn trong thẻ thông thường và thẻ lịch sự (Khảo sát dựa trên kỹ năng nói tiếng Nhật). Số 4. Tr.54 - 64.
107. *Phan Thanh Bảo Trân - Nguyễn Thị Diệp Như - Bùi Thanh Tường Thụy.* Một số vấn đề cơ bản của phân tích diễn ngôn với sự trợ giúp của khối liệu. Số 12. Tr.51 - 60.
108. *Nguyễn Hoàng Trung.* Hướng tiếp cận hình thức và hướng tiếp cận nghĩa trong ngôn ngữ học. Số 3. Tr.3 - 9.
109. *Phạm Anh Tú.* So sánh hệ thống âm chính tiếng Nùng Xuông với một số phương ngữ Nùng ở Việt Nam. Số 3. Tr.10 - 23.
110. *Phạm Anh Tú.* Trường từ vựng ảm thực trong tiếng Việt. Số 10. Tr.28 - 39.
111. *Đoàn Cảnh Tuấn.* “Thuyết phục” từ hướng tiếp cận của lí thuyết dụng học. Số 6. Tr.71 - 80.
112. *Nguyễn Thanh Tuấn.* Đặc điểm ngôn ngữ - văn hoá lớp từ ngữ chỉ nhân vật trong truyện cổ tích của người Việt. Số 11. Tr.104 - 111.
113. *Đình Văn Tuấn.* Đọc hiểu lại một số chữ Nôm trong bản Kiều cổ 1866. Số 1. Tr.58 - 71.
114. *Đàm Vu Tuệ (Tan Yuhui).* Ấn dụ ý niệm CÁC THÀNH VIÊN TRONG GIA ĐÌNH LÀ BỘ PHẬN CỦA NHÀ trong tiếng Trung (có liên hệ với tiếng Việt). Số 2. Tr.66 - 74.
115. *Tạ Quang Tùng.* Ngữ âm tiếng Kri Phọng ở Việt Nam. Số 11. Tr.46 - 56.
116. *Nguyễn Thị Thanh Tùng - Nguyễn Thị Quý.* Thực trạng kỹ năng nói tiếng Anh của sinh viên năm thứ hai không chuyên khoa May - Thiết kế thời trang, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội. Số 3. Tr.59 - 66.
117. *Nguyễn Thị Uyên.* Về tên gọi đồ uống từ cà phê ở Việt Nam. Số 11. Tr.112 - 118.
118. *Lê Thị Cẩm Vân.* Sự tri nhận và biểu đạt không gian, thời gian trong tiếng Việt: Nghiên cứu trường hợp từ “qua”. Số 1. Tr.48 - 57.
119. *Lê Mai Vân.* Quan điểm của giáo viên và lựa chọn đối tượng sửa lỗi nói trong lớp học nói tiếng Anh. Số 5. Tr.59 - 67.
120. *Nguyễn Đình Việt.* Ấn dụ ý niệm về mèo trong thành ngữ tiếng Việt. Số 3. Tr.33 - 41.
121. *Hoàng Thị Yến - Phùng Thị Bích Hạnh - Đỗ Hà Vy - Nguyễn Thị Hồng Linh - Nguyễn Tú Anh.* Đặc điểm ý nghĩa của khẩu hiệu một số trường đại học ở Hàn Quốc. Số 8. Tr.14-21.
122. *Tạp chí Ngôn ngữ.* Mục lục *Tạp chí Ngôn ngữ* năm 2025. Số 12. Tr.74 - 80.